

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SON HÀ SÀI GÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

.....oOo.....

Số: 40/2019/SHA

V/v: Công bố báo cáo tài chính tổng  
hợp soát xét 6 tháng đầu năm 2019.

TP.HCM, ngày 28 tháng 08 năm 2019

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn

Mã chứng khoán : SHA

Địa chỉ trực sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.  
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-028) 37100101

Fax : (84-028) 62511989

Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Thị Thanh Lan

Địa chỉ trực sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.  
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-028) 37100101

Fax: (84-028) 62511989

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

- Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn công bố Báo cáo tài chính tổng hợp soát xét sáu tháng đầu năm 2019 gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tình chính .
- Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính tổng hợp soát xét sáu tháng đầu năm 2019 về các chỉ tiêu trước và sau kiểm toán .

Thông tin này được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/08/2019 tại đường dẫn <http://sonhasg.com.vn> .

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGÔ THỊ THANH LAN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SON HÀ SÀI GÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

Số: 42/GTTHSH/CV  
V/v "giải trình chênh lệch về  
số liệu BCTC tổng hợp sau  
kiểm toán 6T đầu năm 2019"

TP.HCM, ngày 28 tháng 08 năm 2019

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn xin gửi lời chào trân trọng đến quý Sở.

Căn cứ vào số liệu báo cáo tài chính Tổng hợp trước và sau kiểm toán 6 tháng đầu năm 2019, chúng tôi xin được giải trình một số biến đổi so với báo cáo tài chính chúng tôi đã công bố như sau:

**Biến động trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Tổng hợp trước và sau kiểm toán 6 tháng đầu năm 2019 như sau:**

- **Thu nhập khác :** Giảm 272.727.273đ. Nguyên nhân do khừ thu nhập khác và chi phí khác từ giao dịch bán tài sản.
- **Chi Phí Khác :** Giảm 272.727.273đ. Nguyên nhân do khừ thu nhập khác và chi phí khác từ giao dịch bán tài sản.
- **Lợi nhuận khác :** Nguyên nhân trên dẫn đến Lợi nhuận khác không thay đổi.
- **Chi phí thuế TNDN hiện hành:** Tăng 61.197 đồng. Nguyên nhân do chênh lệch các khoản chi phí không được khấu trừ thuế TNDN.
- Các chỉ tiêu khác trên báo cáo tài chính không thay đổi.
- **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp :** Với các thay đổi trên so với báo cáo tài chính Công ty đã công bố nên dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm một khoản là : 61.197 đồng.

Trên đây là những giải trình những biến động trên báo cáo tài chính Tổng hợp sau kiểm toán của Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

**CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN**



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Ngô Thị Thanh Lan*

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SON HÀ SÀI GÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

Số: 44/GTTHSH/CV  
V/v "giải trình chênh lệch về  
số liệu BCTC Tổng hợp kiểm  
toán 6T đầu năm 2019

TP.HCM ngày 28 tháng 08 năm 2019

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn xin gửi lời chào trân trọng đến quý Sở.

Căn cứ vào số liệu báo cáo tài chính Tổng hợp kiểm toán 6T đầu năm 2019, chúng tôi xin được giải trình một số các biến động so với báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2018 như sau:

**Biến động trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Tổng hợp kiểm toán 6T đầu năm 2019 so với 6T đầu năm 2018 :**

- ➔ **Doanh thu thuần :** Doanh thu thuần tăng 2.4% tương đương 7.3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do mảng kinh doanh ngành hàng công nghiệp tăng trưởng tốt.
- ➔ **Giá vốn:** Doanh thu thuần tăng dẫn đến giá vốn hàng bán tăng tương ứng 3% tương đương với 8 tỷ đồng. Tỷ lệ tăng của giá vốn cao hơn tỷ lệ tăng của doanh thu thuần là do doanh thu bán hàng hóa kỳ này tăng so với cùng kỳ năm trước và giá nguyên vật liệu chính, giá nhập mua hàng hóa, chi phí sản xuất tăng so với cùng kỳ năm trước.
- ➔ **Lợi nhuận gộp :** Với tỷ lệ tăng doanh thu và giá vốn như trên thì lợi nhuận gộp giảm 1.5% so với cùng kỳ năm trước tương đương với 670 triệu đồng.
- ➔ **Doanh thu hoạt động tài chính :** Tăng 91 triệu đồng so với cùng kỳ năm ngoái do tiền chiết khấu thanh toán Công ty nhận được từ nhà cung cấp.
- ➔ **Chi phí tài chính:** Chi phí tài chính tăng 30.8% so với cùng kỳ năm trước tương đương với 1.8 tỷ đồng nguyên nhân do lãi suất vay tăng.
- ➔ **Chi phí bán hàng:** Giảm 5.6% tương đương 1.2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do các Chi nhánh đã đi vào hoạt động ổn định, không phát sinh các chi phí đầu tư ban đầu cho Chi nhánh so với cùng kỳ. Tài sản, CCDC hết giá trị còn lại vẫn còn sử dụng.
- ➔ **Chi phí quản lý doanh nghiệp :** Giảm 1.3 tỷ đồng so với cùng kỳ Nguyên nhân chủ yếu do các Chi nhánh đã đi vào hoạt động ổn định, không phát sinh các chi



phí đầu tư ban đầu cho Chi nhánh so với cùng kỳ. Tài sản, CCDC hết giá trị còn lại vẫn còn sử dụng.

- **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế** : Do các nguyên nhân trên dẫn đến tổng lợi nhuận kinh doanh trước thuế trong kỳ tăng 0.5% tương đương 122.5 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước.
- **Lợi nhuận khác** : Tăng 301 triệu đồng lợi nhuận khác so với cùng kỳ nguyên nhân Công ty nhận được khoản chiết khấu bổ sung năm 2018 từ nhà cung cấp.
- **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** : Với các biến động kể trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế 6T đầu năm 2019 tăng so với cùng kỳ năm trước với tỷ lệ 1.4% tương ứng 338 triệu đồng.

Trên đây là bản giải trình những chỉ tiêu biến động trên báo cáo tài chính tổng hợp kiểm toán 6T đầu năm 2019 của Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VP

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Ngô Thị Khanh Lan*



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2019 ĐẾN NGÀY 30/06/2019

---

*Tháng 8 năm 2019*

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hoàng Hà	Chủ tịch
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Thủy	Thành viên
Ông Lê Văn Thành	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Huỳnh Văn Hòa	Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thanh Lan	Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng ban	
Bà Lê Hoàng Anh	Thành viên	Bỏ nhiệm kể từ ngày 15/04/2019
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên	Bỏ nhiệm kể từ ngày 15/04/2019
Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Thành viên	Miễn nhiệm kể từ ngày 15/04/2019
Ông Ngô Văn Thông	Thành viên	Miễn nhiệm kể từ ngày 15/04/2019

**Kế toán trưởng**

Bà Ngô Thị Thanh Lan

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.





**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 26/08/2019, từ trang 05 đến trang 43 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Phạm Gia Đạt**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0789-2018-112-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>392.371.189.055</b>	<b>390.704.055.142</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	27.119.452.686	26.500.264.901
Tiền	111		27.119.452.686	21.270.264.901
Các khoản tương đương tiền	112		-	5.230.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		181.436.275.581	175.724.735.237
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	159.824.154.324	164.021.912.438
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.470.462.462	3.749.296.022
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	19.872.163.260	9.659.693.526
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(1.735.444.466)	(1.711.106.750)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4.940.001	4.940.001
Hàng tồn kho	140	9	182.911.689.579	186.445.155.025
Hàng tồn kho	141		182.911.689.579	186.445.155.025
Tài sản ngắn hạn khác	150		903.771.209	2.033.899.979
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	888.280.197	816.483.683
Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.491.012	1.037.138.702
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	-	180.277.594
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>204.017.675.687</b>	<b>197.324.293.364</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		408.460.684	173.460.684
Phải thu dài hạn khác	216	8	408.460.684	173.460.684
Tài sản cố định	220		96.618.637.223	94.683.501.165
Tài sản cố định hữu hình	221	10	58.459.407.310	56.416.531.712
- Nguyên giá	222		103.894.985.524	97.748.656.538
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.435.578.214)	(41.332.124.826)
Tài sản cố định vô hình	227	11	38.159.229.913	38.266.969.453
- Nguyên giá	228		46.042.205.444	45.566.332.444
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.882.975.531)	(7.299.362.991)
Tài sản dở dang dài hạn	240		31.076.093.700	31.076.093.700
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6	31.076.093.700	31.076.093.700
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	70.000.000.000	70.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		70.000.000.000	70.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		5.914.484.080	1.391.237.815
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	5.914.484.080	1.391.237.815
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>596.388.864.742</b>	<b>588.028.348.506</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>275.131.101.703</b>	<b>277.616.971.755</b>
Nợ ngắn hạn	310		271.294.588.593	273.045.809.987
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	33.838.567.095	29.320.449.809
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.365.848.455	1.402.455.586
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.757.168.749	1.993.879.830
Phải trả người lao động	314		3.557.350.383	5.083.182.782
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	4.610.794.608	2.178.029.819
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	13.994.868.487	128.847.972
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	209.448.512.362	231.575.531.002
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.721.478.454	1.363.433.187
Nợ dài hạn	330		3.836.513.110	4.571.161.768
Phải trả dài hạn khác	337	16	277.438.000	284.638.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	3.559.075.110	4.286.523.768
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>18</b>	<b>321.257.763.039</b>	<b>310.411.376.751</b>
Vốn chủ sở hữu	410		321.257.763.039	310.411.376.751
Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.792.000.000	275.792.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.792.000.000	275.792.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(250.000.000)	(250.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.324.226.729	8.175.955.129
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.391.536.310	26.693.421.622
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.121.504.755	(17.546.376.697)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25.270.031.555	44.239.798.319
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>596.388.864.742</b>	<b>588.028.348.506</b>



Lê Hoàng Hà  
Chủ tịch HĐQT  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2019

Ngô Thị Thanh Lan  
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

Chỉ tiêu	Mã Thuyết		Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
	số	minh	đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	329.647.998.551	320.003.778.472
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	10.041.520.139	7.780.986.105
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		319.606.478.412	312.222.792.367
Giá vốn hàng bán	11	21	275.314.572.209	267.259.946.867
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.291.906.203	44.962.845.500
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	19.431.723.074	19.340.318.066
Chi phí tài chính	22	23	8.002.035.616	6.117.285.086
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>7.821.820.386</i>	<i>6.046.433.920</i>
Chi phí bán hàng	25	24	20.932.717.532	22.169.150.090
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	8.436.512.605	9.786.959.881
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.352.363.524	26.229.768.509
Thu nhập khác	31	25	825.062.522	894.232.418
Chi phí khác	32	26	41.177.002	412.076.672
Lợi nhuận khác	40		783.885.520	482.155.746
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.136.249.044	26.711.924.255
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.866.217.489	1.780.072.531
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.270.031.555	24.931.851.724



Lê Hoàng Hà  
Chủ tịch HĐQT  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2019

Ngô Thị Thanh Lan  
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh  
Người lập


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019


Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
		đến 30/06/2019 VND	đến 30/06/2018 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	27.136.249.044	26.711.924.255
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.687.065.928	5.305.070.153
Các khoản dự phòng	03	24.337.716	-
(Lãi)/Lỗ hoạt động đầu tư	05	(18.056.407.447)	(18.135.736.303)
Chi phí lãi vay	06	7.821.820.386	6.046.433.920
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>21.613.065.627</b>	<b>19.927.692.025</b>
<b>(Tăng) các khoản phải thu</b>			
Giảm hàng tồn kho	09	(4.796.225.503)	(17.846.791.349)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	10	3.533.465.446	13.725.476.187
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	11	15.735.787.767	(30.896.175.312)
Tiền lãi vay đã trả	12	(4.118.194.611)	1.965.647.722
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.779.164.971)	(6.221.907.040)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.361.689.476)	(1.864.219.426)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>21.827.044.279</b>	<b>(21.210.277.193)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.984.789.918)	(1.569.561.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	300.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận	27	8.583.680.174	34.192.266
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.898.890.256</b>	<b>(1.535.368.734)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
		đến 30/06/2019 VND	đến 30/06/2018 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	208.010.077.453	232.036.736.602
Tiền trả nợ gốc vay	34	(230.812.918.085)	(199.355.985.604)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(51.626.666)	(2.374.903.417)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(252.279.452)	(248.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(23.106.746.750)</b>	<b>30.057.847.581</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>619.187.785</b>	<b>7.312.201.654</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 4	26.500.264.901	31.156.323.250
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 4	27.119.452.686	38.468.524.904



  
Lê Hoàng Hà  
Chủ tịch HĐQT  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2019

  
Ngô Thị Thanh Lan  
Kế toán trưởng

  
Trần Thị Thu Hạnh  
Người lập

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307526635, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 03 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 17 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 225.792.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm tỷ bảy trăm chín mươi hai triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 21 tháng 01 năm 2013 với mã chứng khoán là SHA. Ngày 23/11/2016, Công ty đã hủy niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội để chuyển sang đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE).

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 292/5 ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
Điện thoại : (84-8) 3710 0101  
Fax : (84-8) 6251 9574  
Mã số thuế : 0307526635

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình Mã số chi nhánh: 0307526635-002	Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân phú, TP.Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-003	1024 quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-005	Đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-008	Thửa số 251, tờ bản đồ số 03, tổ 4, Phường Nghĩa Phú, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.
- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-009	81 Quốc lộ 1A, Tổ 61, Khu phố 11, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0010	1798 Võ Nguyên Giáp, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.
- Chi nhánh Long Khánh – Đồng Nai - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-012	Số 81, đường 21/4, ấp Cẩm Tân, Xã Xuân Tân, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-013	Số 7B, Quốc lộ 14, buôn Cour Đăng A, Xã Cour Đăng, Huyện Cư M'gar, Đắk Lắk Việt Nam.
- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0011	Số 477, ấp Minh Phong, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-007	Lô 02 -B4, KĐT Phước Long, Phường Phước Long, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-014	ĐT.741, ấp 1, Xã Tiến Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0015	572 Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0016	Số 5/4 Quốc lộ 50, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Phong, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.
- Chi nhánh Biên Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0017	Số 9-11, Lô A10, GĐCB- QĐ4, Phường Tân Phong, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0018	Km số 6, Thôn Phú Khánh, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận.
- Chi nhánh Buôn Mê Thuột - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số CN: 0307526635-0020	18 Thôn 13, Xã Hòa Khánh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Eakar - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0019	Km 56, QL 26, Buôn Tân Sinh, xã Ea Đar, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Bình Long - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0021	Quốc lộ 13, Tổ 10, Ấp Phú Long, Xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước.
- Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0023	93 Đ, Ấp Bình Thành, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
- Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0025	Tổ 17A, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0024	Số 425A, Quốc lộ 30, Tổ 13, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0026	Thửa đất số 31, Khu A3, Đường Số 01, Phường 1, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0027	Số 41 Nguyễn Thái Học, Khóm 10, Phường 1, TP Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
- Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0028	Số 03, đường Lê Duẩn, Khu Phố 3, Phường Đài Sơn, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-029	Ấp chợ, Xã Phương Thạnh, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
- Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-030	Ấp Đồng Tâm, Xã Long Trạch, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 Công ty có 299 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31/12/2018 là 283 nhân viên).

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là :

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất giày dép; Sản xuất sản phẩm từ da lông thú;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng, sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất chưa được phân vào đâu;
- Điều hành tour du lịch, đại lý du lịch, dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Đúc sắt, thép;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở vận tải như đi du thuyền; Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung; Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh, thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)**

- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng nhà các loại, công trình công ích;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn. Chi tiết: sửa chữa thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại hư, lỗi của doanh nghiệp sản xuất; Sửa chữa đồ dùng gia đình;
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong kỳ là: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

**1.3. CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty trong vòng 12 tháng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc (Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc). Giao dịch và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

**2.2. NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1. CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2018.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

*Đầu tư vào Công ty con*

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- a. Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- b. Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- c. Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- d. Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

#### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

##### 3.4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) và dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

##### 3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

##### 3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

##### 3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	03 – 46
Máy móc, thiết bị	04 – 09
Phương tiện vận tải	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

**3.8 THUÊ TÀI SẢN**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày thuê tài sản, hoặc nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê (nợ gốc) phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả còn lại cho từng kỳ kế toán.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

**3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (từ 42 đến 47 năm).

***Phần mềm máy tính***

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phần gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

***Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản***

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

***Chi phí quảng cáo, thuê nhà***

Chi phí quảng cáo, thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng cho thuê nhà.

**3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

**3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Các quỹ dự trữ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.14 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập. Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**3.15 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC**

*Thuế giá trị gia tăng (VAT)*

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ chịu thuế suất 10%.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)**

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.17 BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN**

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

**3.18 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	8.511.725.307	5.228.224.609
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.607.727.379	16.042.040.292
Các khoản tương đương tiền	-	5.230.000.000
	<u>27.119.452.686</u>	<u>26.500.264.901</u>

**5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>888.280.197</b>	<b>816.483.683</b>
- Chi phí trả trước về thuê kho	463.060.000	449.793.330
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	215.418.070	83.651.093
- Các khoản khác	209.802.127	283.039.260
<b>Dài hạn</b>	<b>5.914.484.080</b>	<b>1.391.237.815</b>
- Chi phí Công cụ dụng cụ	346.719.358	411.366.993
- Chi phí sửa chữa	429.317.919	40.277.777
- Chi phí mua bảo hiểm	21.396.918	28.135.206
- Các khoản khác	5.117.049.885	911.457.839
	<u>6.802.764.277</u>	<u>2.207.721.498</u>

**6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quyền sử dụng đất (*)	31.076.093.700	31.076.093.700
	<u>31.076.093.700</u>	<u>31.076.093.700</u>

(\*) Bao gồm:

Quyền sử dụng đất 5.786,5 m<sup>2</sup> tại xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng số tiền: 25.072.093.700 đồng từ năm 2014 đến nay chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất 1.000 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 642, 112/1 ấp Tam Đông, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng số tiền: 6.000.000.000 đồng. Hiện Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>159.824.154.324</b>	<b>(1.735.444.466)</b>	<b>164.021.912.438</b>	<b>(1.711.106.750)</b>
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	4.793.126.550	-	5.727.796.350	-
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Và Phát Triển Hưng Thịnh	34.438.313.365	-	35.100.546.435	-
- Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Minh Ngọc Dương	2.492.598.641	-	9.492.598.641	-
- Cửa hàng Quý Sơn Hà 2	888.395.216	(888.395.216)	888.395.216	(888.395.216)
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đại Phong Phú	822.711.534	(822.711.534)	822.711.534	(822.711.534)
- Công ty Cổ Phần Dầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	7.845.675.249	-	4.949.657.609	-
- Nhà phân phối Đức Trung - Đồng Nai	3.850.545.463	-	3.920.842.892	-
- Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Đức Thịnh	2.562.730.006	-	2.662.838.553	-
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	2.565.523.125	-	2.565.523.125	-
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kim loại Vina	28.761.940.948	-	22.551.335.398	-
- Các đối tượng khác	70.802.594.227	(24.337.716)	75.339.666.685	-
<b>Phải thu dài hạn của khách hàng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>15.204.324.924</b>	<b>(1.735.444.466)</b>	<b>164.021.912.438</b>	<b>(1.711.106.750)</b>
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	4.793.126.550	-	13.242.977.084	-
- Công ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà	2.565.523.125	-	5.727.796.350	-
- Công ty Cổ Phần Dầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	7.845.675.249	-	2.565.523.125	-
			4.949.657.609	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**8. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>19.872.163.260</b>	-	<b>9.659.693.526</b>	-
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	1.564.746.824	-	950.362.312	-
- Ký cược, ký quỹ	133.202.112	-	38.202.112	-
- Bảo hiểm xã hội	124.854.609	-	121.739.939	-
- Các khoản phải thu khác ngắn hạn	49.359.715	-	49.389.163	-
- Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	18.000.000.000	-	8.500.000.000	-
<b>Dài hạn</b>	<b>408.460.684</b>	-	<b>173.460.684</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	408.460.684	-	173.460.684	-
	<b>20.280.623.944</b>	-	<b>9.833.154.210</b>	-
<b>Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>18.000.000.000</b>	-	<b>8.500.000.000</b>	-
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	18.000.000.000	-	8.500.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***9. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	5.405.092.333	-	4.136.285.027	-
Nguyên liệu, vật liệu	63.334.007.855	-	52.353.239.342	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.134.779.358	-	14.799.679.715	-
Thành phẩm	24.115.736.225	-	21.579.097.479	-
Hàng hóa	76.922.073.808	-	93.576.853.462	-
	<b>182.911.689.579</b>	-	<b>186.445.155.025</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị đụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2019	31.835.646.904	20.433.311.955	45.136.057.770	343.639.909	97.748.656.538
- Mua trong kỳ	-	5.470.965.350	975.363.636	-	6.446.328.986
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(300.000.000)	-	(300.000.000)
30/06/2019	<u>31.835.646.904</u>	<u>25.904.277.305</u>	<u>45.811.421.406</u>	<u>343.639.909</u>	<u>103.894.985.524</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2019	(8.454.998.859)	(16.318.957.897)	(16.214.528.161)	(343.639.909)	(41.332.124.826)
- Khấu hao trong kỳ	(712.872.744)	(1.169.971.456)	(2.220.609.188)	-	(4.103.453.388)
30/06/2019	<u>(9.167.871.603)</u>	<u>(17.488.929.353)</u>	<u>(18.435.137.349)</u>	<u>(343.639.909)</u>	<u>(45.435.578.214)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2019	23.380.648.045	4.114.354.058	28.921.529.609	-	56.416.531.712
30/06/2019	<u>22.667.775.301</u>	<u>8.415.347.952</u>	<u>27.376.284.057</u>	<u>-</u>	<u>58.459.407.310</u>

Tại ngày 30/06/2019, Tài sản cố định công trình văn phòng và nhà xưởng tại 292/5 ấp Tam Đông 2, Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh và phương tiện vận tải có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 16.660.083.350 đồng và 10.689.183.399 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2019: 13.345.738.586 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2019	45.156.600.444	409.732.000	45.566.332.444
- Mua trong kỳ	-	475.873.000	475.873.000
31/12/2018	<u>45.156.600.444</u>	<u>885.605.000</u>	<u>46.042.205.444</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
01/01/2019	(7.002.090.807)	(297.272.182)	(7.299.362.991)
- Khấu hao trong kỳ	(502.385.412)	(81.227.128)	(583.612.540)
31/12/2018	<u>(7.504.476.219)</u>	<u>(378.499.308)</u>	<u>(7.882.975.531)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2019	<u>38.154.509.637</u>	<u>112.459.818</u>	<u>38.266.969.453</u>
31/12/2018	<u>37.652.124.225</u>	<u>507.105.692</u>	<u>38.159.229.913</u>

Quyền sử dụng đất 7.064,7 m<sup>2</sup> tại Xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN**

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>70.000.000.000</b>	-	<b>70.000.000.000</b>	-
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai (1)	70.000.000.000	-	70.000.000.000	-

(1) Khoản đầu tư dài hạn vào Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai số tiền 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng) tương đương 100% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000900618 đăng ký lần đầu vào ngày 31 tháng 10 năm 2012, thay đổi lần thứ 4 vào ngày 21 tháng 03 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai bao gồm: sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>33.838.567.095</b>	<b>33.838.567.095</b>	<b>29.320.449.809</b>	<b>29.320.449.809</b>
- Công ty TNHH Posco VST	6.194.865.295	6.194.865.295	12.128.217.710	12.128.217.710
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	3.757.553.969	3.757.553.969	6.859.713.844	6.859.713.844
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	11.884.856.220	11.884.856.220	4.999.730.149	4.999.730.149
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	5.836.728.272	5.836.728.272	2.760.285.531	2.760.285.531
- Các đối tượng khác	6.164.563.339	6.164.563.339	2.572.502.575	2.572.502.575
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
	<b>33.838.567.095</b>	<b>33.838.567.095</b>	<b>29.320.449.809</b>	<b>29.320.449.809</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>21.994.153.611</b>	<b>21.994.153.611</b>	<b>15.655.017.151</b>	<b>15.655.017.151</b>
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	11.884.856.220	11.884.856.220	4.999.730.149	4.999.730.149
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	3.757.553.969	3.757.553.969	6.859.713.844	6.859.713.844
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	5.836.728.272	5.836.728.272	2.760.285.531	2.760.285.531
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà (SHK)	515.015.150	515.015.150	1.035.287.627	1.035.287.627



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/06/2019 VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	472.146.239	2.885.266.528	2.659.748.567	697.664.200
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.519.303.844	1.866.217.489	2.361.689.476	1.023.831.857
- Thuế thu nhập cá nhân	2.429.747	187.927.945	154.685.000	35.672.692
- Các loại thuế khác	-	29.000.000	29.000.000	-
	<b>1.993.879.830</b>	<b>4.968.411.962</b>	<b>5.205.123.043</b>	<b>1.757.168.749</b>
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	180.277.594	3.367.471.792	3.187.194.198	-
	<b>180.277.594</b>	<b>3.367.471.792</b>	<b>3.187.194.198</b>	<b>-</b>

(\*) Thuế giá trị gia tăng khấu trừ trong kỳ số tiền 38.272.255.568 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.610.794.608</b>	<b>2.178.029.819</b>
- Chi phí trích trước hàng khuyến mại	1.524.201.278	930.459.740
- Chi phí công tác, xăng dầu, khác	2.879.295.031	1.082.927.195
- Chi phí lãi vay	207.298.299	164.642.884
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>4.610.794.608</b>	<b>2.178.029.819</b>

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>13.994.868.487</b>	<b>128.847.972</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	32.535.505	27.534.784
- Kinh phí công đoàn	104.545.929	9.137.609
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.857.787.053	92.175.579
<b>Dài hạn</b>	<b>277.438.000</b>	<b>284.638.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	277.438.000	284.638.000
	<b>14.272.306.487</b>	<b>413.485.972</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Nội dung	30/06/2019		01/01/2019			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Trong kỳ Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>209.448.512.362</b>	<b>209.448.512.362</b>	<b>208.685.899.445</b>	<b>230.812.918.085</b>	<b>231.575.531.002</b>	<b>231.575.531.002</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>206.461.364.374</b>	<b>206.461.364.374</b>	<b>206.461.277.453</b>	<b>229.638.852.089</b>	<b>229.638.939.010</b>	<b>229.638.939.010</b>
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn (1)	99.326.787.155	99.326.787.155	99.326.787.154	95.496.375.970	95.496.375.971	95.496.375.971
- Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn (BIDV) (2)	62.128.217.706	62.128.217.706	62.128.217.706	46.848.072.779	46.848.072.779	46.848.072.779
- Ngân hàng TCMP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (3)	45.006.359.513	45.006.359.513	45.006.272.593	87.294.403.340	87.294.490.260	87.294.490.260
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)</b>	<b>2.677.387.992</b>	<b>2.677.387.992</b>	<b>1.914.861.996</b>	<b>1.174.065.996</b>	<b>1.936.591.992</b>	<b>1.936.591.992</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (4)	832.800.000	832.800.000	416.400.000	416.400.000	832.800.000	832.800.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn (7)	1.576.188.000	1.576.188.000	1.364.262.000	623.466.000	835.392.000	835.392.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (5)	268.399.992	268.399.992	134.199.996	134.199.996	268.399.992	268.399.992
<b>Nợ thuê tài chính (6)</b>	<b>309.759.996</b>	<b>309.759.996</b>	<b>309.759.996</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nợ dài hạn đến hạn trả (dưới 1 năm)	309.759.996	309.759.996	309.759.996	-	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Nội dung	30/06/2019		Trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>3.559.075.110</b>	<b>3.559.075.110</b>	<b>1.548.800.000</b>	<b>2.276.248.658</b>	<b>4.286.523.768</b>	<b>4.286.523.768</b>
Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	2.371.661.772	2.371.661.772	-	1.914.861.996	4.286.523.768	4.286.523.768
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (5)	44.733.772	44.733.772	-	134.199.996	178.933.768	178.933.768
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn (7)	1.708.928.000	1.708.928.000	-	1.364.262.000	3.073.190.000	3.073.190.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (4)	618.000.000	618.000.000	-	416.400.000	1.034.400.000	1.034.400.000
<b>Nợ thuê tài chính (6)</b>	<b>1.187.413.338</b>	<b>1.187.413.338</b>	<b>1.548.800.000</b>	<b>361.386.662</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nợ dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	1.187.413.338	1.187.413.338	1.548.800.000	361.386.662	-	-
	<b>213.007.587.472</b>	<b>213.007.587.472</b>	<b>210.234.699.445</b>	<b>233.089.166.743</b>	<b>235.862.054.770</b>	<b>235.862.054.770</b>

(1) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 67/2018-HĐTDHM/NHCT944-SONHA ngày 03/08/2018 với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Hạn mức: 100.000.000.000 đồng;
- Thời gian duy trì hạn mức: kể từ ngày 03/08/2018 đến ngày 31/07/2019;
- Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần;
- Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất số 17/2015-HĐTC/NHCT944-SH ngày 02/06/2015, hợp đồng thế chấp hàng hóa số 46/2016/HĐTC-SH ngày 08/09/2015, hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 40-2015/HĐCCCP/PVH ngày 28/08/2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (2) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2019/7015218/HHTD ngày 27/07/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hóc Môn với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - Hạn mức: 100.000.000.000 đồng; Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 15/07/2020;
  - Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
  - Các biện pháp đảm bảo: Các thỏa thuận về biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/ thế chấp/ bảo lãnh/ ký quỹ/ (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này mà điều khoản về Phạm vi bảo đảm của (các) Hợp đồng bảo đảm bao gồm hợp đồng này.
- (3) Khoản vay theo hợp đồng cho vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 03/TTD-0001/KHND/17NH ngày 19/01/2017 kèm theo Thỏa thuận cấp bảo lãnh theo hạn mức ngày 23/05/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
  - Hạn mức: 100.000.000.000 đồng;
  - Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 6 tháng một lần kể từ ngày thực tế rút vốn vay;
  - Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, và các công trình văn phòng, nhà xưởng gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 002/NHNT-KD/17 tháng 19/01/2017.
- (4) Khoản vay theo hợp đồng số 0456/KH/15DN ký ngày 24/12/2015 số dư vay còn đến 31/12/2018 số tiền: 1.925.000.000 đồng với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích sử dụng vốn vay: Cho vay hoàn vốn đầu tư;
  - Ngày đáo hạn: 30/12/2020;
  - Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ;
  - Tài sản đảm bảo: Khuôn bồn nhựa.
- Khoản vay theo hợp đồng số 0003/KH/DN/17/DH ký ngày 19/01/2017 số dư vay còn đến 31/12/2018 số tiền: 705.600.000 đồng với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích sử dụng vốn vay: Hoàn vốn chi phí đầu tư liên quan đến thanh toán các chi phí hợp lý hợp lệ;
  - Ngày đáo hạn: 28/02/2022;
  - Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ;
  - Tài sản đảm bảo: 2 xe ô tô Ford.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (5) Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 139915/HĐTD-TDHH/DN ngày 26/06/2015, số 142315/HĐTD-TDHH/DN ngày 06/07/2015, số 163215/HĐTD-TDHH/DN ngày 28/08/2015, giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam A – Chi nhánh Sài Gòn với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích vay: Mua xe ô tô đầu tư phương tiện vận tải;
  - Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày nhận vay trên các hợp đồng tín dụng;
  - Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng vào ngày đầu mỗi quý;
- (6) Thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 126.19.02/CTTC ngày 18/03/2019, giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội để thanh toán tiền mua máy ép thủy lực song động với lãi suất áp dụng theo từng hợp đồng cho thuê tài chính và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng một lần.
- (7) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 37/2015 - HĐTD/NHCT944-SONHA-HYUNDAI ngày 26/10/2015 giữa Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hón, với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư mua 09 xe ô tô tải Thaco Hyundai HD350;
  - Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày 26/10/2015;
  - Lãi suất: 7%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng được điều chỉnh 3 tháng/lần;
  - Tài sản đảm bảo: 06 chiếc xe tải Hyundai HD350 chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 55/2015-HĐTC/NHCT944-Sonha ngày 26/10/2015 và Hợp đồng thế chấp số 56/2015-HĐTC/NHCT944-SONHA giữa Công ty và ngân hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng Hợp Lê Gia	41.318.400.000	41.318.400.000
Ông Lê Hoàng Hà	23.744.000.000	23.744.000.000
Các Cổ đông khác	210.729.600.000	210.729.600.000
	<b>275.792.000.000</b>	<b>275.792.000.000</b>

**18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu kỳ	275.792.000.000	275.792.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	275.792.000.000	275.792.000.000
<b>Lợi nhuận đã phân phối</b>	<b>16.571.916.867</b>	<b>30.342.152.301</b>

**18.4 CỔ PHIẾU**

	30/06/2019	01/01/2019
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.579.200	27.579.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.579.200	27.579.200
+ Cổ phiếu phổ thông	27.579.200	27.579.200
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.579.200	27.579.200
+ Cổ phiếu phổ thông	27.579.200	27.579.200
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**18.5 CÁC QUỸ**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.324.226.729	8.175.955.129



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>329.647.998.551</b>	<b>320.003.778.472</b>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	329.647.998.551	320.003.778.472
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>18.873.952.582</b>	<b>22.741.704.848</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	11.723.652.400	9.120.226.000
- Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	-	327.628.736
- Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	-	408.792.797
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	7.150.300.182	12.885.057.315

**20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chiết khấu thương mại	8.012.685.284	5.891.822.781
Giảm giá hàng bán	-	17.140.001
Hàng bán bị trả lại	2.028.834.855	1.872.023.323
	<b>10.041.520.139</b>	<b>7.780.986.105</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Giá vốn hàng hóa và thành phẩm đã bán	275.314.572.209	267.259.946.867
	<b>275.314.572.209</b>	<b>267.259.946.867</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	83.680.174	34.192.266
Nhận cổ tức từ công ty con	18.000.000.000	18.000.000.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	1.348.042.900	1.263.939.600
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	42.186.200
	<b>19.431.723.074</b>	<b>19.340.318.066</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí lãi vay	7.821.820.386	6.046.433.920
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	180.215.230	70.851.166
	<b>8.002.035.616</b>	<b>6.117.285.086</b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>8.436.512.605</b>	<b>9.786.959.881</b>
Chi phí nhân viên	2.699.134.040	3.225.399.280
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	115.994.510	176.993.043
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.292.028.275	1.293.081.488
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.657.510.521	2.006.477.657
Chi phí khác	2.671.845.259	3.085.008.413
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>20.932.717.532</b>	<b>22.169.150.090</b>
Chi phí nhân viên	11.738.412.525	14.262.120.330
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	558.399.600	422.504.588
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.791.741.576	2.048.725.203
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.604.668.306	3.735.864.756
Chi phí khác	3.239.495.525	1.699.935.213

**25. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lợi nhuận từ góp vốn bằng TSCĐ	-	128.540.704
Thu tiền cho thuê tài sản	79.721.940	79.721.940
Các khoản thu nhập khác	745.340.582	685.969.774
	<b>825.062.522</b>	<b>894.232.418</b>

**26. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	-	79.611.804
Thanh lý tài sản cố định	27.272.727	-
Các khoản chi phí khác	13.904.275	332.464.868
	<b>41.177.002</b>	<b>412.076.672</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>27.136.249.044</b>	<b>26.711.924.255</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>194.838.400</b>	<b>188.438.400</b>
- Khấu hao TSCĐ	181.438.400	181.438.400
- Các khoản chi phí (phạt)	13.400.000	7.000.000
<b>Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>18.000.000.000</b>
- Cổ tức từ Công ty con chuyển về	18.000.000.000	18.000.000.000
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b>9.331.087.444</b>	<b>8.900.362.655</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>1.866.217.489</b>	<b>1.780.072.531</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.866.217.489</b>	<b>1.780.072.531</b>

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chi trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**29. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chi trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	63.507.641.573	63.888.900.732
Chi phí nhân công	16.887.972.982	20.049.207.790
Khấu hao tài sản cố định	4.687.065.928	5.305.070.153
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.868.215.681	6.544.549.810
Chi phí khác	6.156.997.634	4.784.943.626
	<b>97.107.893.798</b>	<b>100.572.672.111</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**31. THÔNG TIN KHÁC**

**31.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/06/2019	01/01/2019
Ngoại tệ các loại		
+ USD	28.074,18	102,88

**31.2 NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà	Công ty con của Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	Công ty con
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (SHI)	Ông Lê Hoàng Hà là Phó Chủ tịch
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Công ty con 51,59% vốn của SHI

***Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát***

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	230.612.000	518.158.000
Thu nhập của Ban Kiểm soát	276.000.000	276.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**31.2 NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

*Số dư với các bên liên quan*

	<b>30/06/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>15.204.324.924</b>	<b>13.242.977.084</b>
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	4.793.126.550	5.727.796.350
- Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	2.565.523.125	2.565.523.125
- Công ty Cổ Phần ĐTPT Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	7.845.675.249	4.949.657.609
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>8.500.000.000</b>
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	18.000.000.000	8.500.000.000
<b>Phải trả nhà cung cấp</b>	<b>21.994.153.611</b>	<b>15.655.017.151</b>
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	11.884.856.220	4.999.730.149
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	3.757.553.969	6.859.713.844
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	5.836.728.272	2.760.285.531
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà Bếp Sơn Hà	515.015.150	1.035.287.627

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**31.2 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

*Giao dịch với các bên liên quan*

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
<b>Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà</b>	<b>60.567.270</b>	<b>192.715.215</b>
Đi thuê tài sản	60.567.270	60.567.270
Chi phí dịch vụ	-	91.528.000
Bán hàng hóa	-	40.619.945
<b>Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà</b>	<b>11.723.652.400</b>	<b>9.120.226.000</b>
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	11.723.652.400	9.120.226.000
<b>Công ty Cổ Phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà</b>	<b>16.733.115.165</b>	<b>19.566.119.838</b>
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	16.733.115.165	19.157.327.041
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	-	408.792.797
<b>Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam</b>	<b>79.116.901.639</b>	<b>100.052.891.140</b>
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	77.689.136.799	99.645.540.464
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	-	327.628.736
Chiết khấu thanh toán	1.348.042.900	-
Cho thuê tài sản	79.721.940	79.721.940
<b>Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà Bếp Sơn Hà</b>	<b>3.038.222.796</b>	<b>7.318.272.753</b>
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	3.038.222.796	7.318.272.753
<b>Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai</b>	<b>126.800.414.786</b>	<b>102.307.276.345</b>
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	101.650.114.610	64.622.219.030
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	7.150.300.176	12.885.057.315
Góp vốn bằng tài sản cố định	-	6.800.000.000
Lợi nhuận SHQ chuyển về	18.000.000.000	18.000.000.000

**31.3 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

*Lĩnh vực kinh doanh*

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực : Hàng gia dụng.
- Lĩnh vực : Hàng công nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**31.3 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	136.393.727.421	183.212.750.991	319.606.478.412
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>136.393.727.421</b>	<b>183.212.750.991</b>	<b>319.606.478.412</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	39.176.321.741	5.115.584.462	44.291.906.203
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(29.369.230.137)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>14.922.676.066</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			19.431.723.074
Chi phí tài chính			(8.002.035.616)
Thu nhập khác			825.062.522
Chi phí khác			(41.177.002)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.866.217.489)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>25.270.031.555</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**31.3 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	183.843.389.865	128.379.402.502	312.222.792.367
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>183.843.389.865</b>	<b>128.379.402.502</b>	<b>312.222.792.367</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	37.790.788.307	7.172.057.193	44.962.845.500
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(31.956.109.971)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>13.006.735.529</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			19.340.318.066
Chi phí tài chính			(6.117.285.086)
Thu nhập khác			894.232.418
Chi phí khác			(412.076.672)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.780.072.531)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>24.931.851.724</b>

**31.4 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 của Công ty đã được soát xét.



Lê Hoàng Hà  
Chủ tịch HĐQT  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2019

Ngô Thị Thanh Lan  
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh  
Người lập